

- Macular Hole in High Myopia. American Journal of Ophthalmology. 2011;151(1):148-155.
4. **Kakinoki M, Araki T, Iwasaki M, et al.** Surgical Outcomes of Vitrectomy for Macular Hole Retinal Detachment in Highly Myopic Eyes. Ophthalmology Retina. 2019;3(10):874-878.
 5. **Lim LS, Tsai A, Wong D, et al.** Prognostic Factor Analysis of Vitrectomy for Retinal Detachment Associated with Myopic Macular Holes. Ophthalmology. 2014;121(1):305-310.
 6. **Lam RF, Lai WW, Cheung BTO, et al.** Pars Plana Vitrectomy and Perfluoropropane (C3F8) Tamponade for Retinal Detachment Due to Myopic Macular Hole: A Prognostic Factor Analysis. American Journal of Ophthalmology. 2006;142(6):938-944.e2.
 7. **Nakanishi H, Kuriyama S, Saito I, et al.** Prognostic Factor Analysis in Pars Plana Vitrectomy for Retinal Detachment Attributable to Macular Hole in High Myopia: A Multicenter Study. American Journal of Ophthalmology. 2008;146(2):198-204.e1.
 8. **Ghoraba HH, Elgouhary SM, Mansour HO.** Silicone Oil Reinjection without Macular Buckling for Treatment of Recurrent Myopic Macular Hole Retinal Detachment after Silicone Oil Removal. Journal of Ophthalmology. 2014;2014:1-5.
 9. **Xie A, Lei J.** Pars Plana Vitrectomy and Silicone Oil Tamponade as a Primary Treatment for Retinal Detachment Caused by Macular Holes in Highly Myopic Eyes: A Risk-Factor Analysis. Current Eye Research. 2013;38(1):108-113.
 10. **Ikuno Y, Sayanagi K, Oshima T, et al.** Optical coherence tomographic findings of macular holes and retinal detachment after vitrectomy in highly myopic eyes. American Journal of Ophthalmology. 2003;136(3):477-481.

SỰ HÀI LÒNG NGƯỜI BỆNH VỀ GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI ĐIỀU DƯỠNG

Nguyễn Thị Hoàng Yên*, Võ Hồng Khôi*, Nguyễn Ngọc Hòa**

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Nâng cao thái độ giao tiếp của điều dưỡng viên với bệnh nhân trong công tác chăm sóc điều trị phải luôn được chú trọng nhằm hướng tới sự hài lòng của người bệnh bởi những điều đó ảnh hưởng rất lớn tới chất lượng và hiệu quả chăm sóc. Vì vậy, nghiên cứu khảo sát mối liên quan giữa sự hài lòng của người bệnh với giao tiếp của điều dưỡng viên là thực sự cần thiết. **Mục tiêu:** Đánh giá sự hài lòng của người bệnh về giao tiếp của người điều dưỡng tại Trung tâm Thần Kinh - Bệnh Viện Bạch Mai từ tháng 02/2021 đến tháng 06/2021. **Phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu theo phương pháp mô tả cắt ngang trên 238 đối tượng được lựa chọn ngẫu nhiên. Dữ liệu được thu thập bởi bộ câu hỏi về sự hài lòng của bệnh nhân và sự giao tiếp của điều dưỡng đã được tác giả Đinh Ngọc Thành xây dựng và tiến hành trên 197 bệnh nhân nội trú tại Bệnh Viện A Thái Nguyên [1] với bộ câu hỏi tự điền 36 câu của 2 bộ câu hỏi trên 5 điểm của thang đo "Likert scale." Với bộ câu hỏi "Sự hài lòng của bệnh nhân với giao tiếp của điều dưỡng" điểm đánh giá từ 1 là rất không hài lòng đến 5 là rất hài lòng. Điểm cao chỉ ra mức độ hài lòng cao. Còn với bộ câu hỏi "Sự giao tiếp của điều dưỡng" điểm đánh giá từ 1 là không bao giờ đến 5 là rất thường xuyên. Điểm cao chỉ ra mức độ cao về giao tiếp. **Kết quả:** Các đối tượng tham gia nghiên cứu có tuổi trung bình là 52,96 ± 16,4, nữ chiếm ưu thế (51,3%), tỷ lệ kết

hôn đạt (88%), tập trung nhiều ở trình độ cấp II và cấp III (45,8 và 34,9%), đa số có BHYT (89,9%), ngày nằm viện trung bình là 5-10 (48,3%). Điểm trung bình sự hài lòng của người bệnh là 4,33 ± 0,516, điểm trung bình về sự giao tiếp của điều dưỡng: 4,20 ± 0,600. **Kết luận:** Kết quả của nghiên cứu cho thấy người bệnh có sự hài lòng ở mức độ cao với giao tiếp của điều dưỡng.

Từ khóa: giao tiếp điều dưỡng, sự hài lòng người bệnh

SUMMARY

ASSESSMENT OF PATIENT SATISFACTION FROM NURSE COMMUNICATION

Background: Patient-nurse communication in healthcare was pivotal tool to assess patient satisfaction. Improving nurse communication contribute to patient satisfaction, hence increases quality and effectiveness of healthcare. The aim of this study to assess the association between patient satisfaction and nurse communication. **Objective:** Assess patient satisfaction from patient-nurse communication at the Neurology Center of Bach Mai Hospital in 2021. **Methods:** Descriptive cross-sectional design. 238 patients were randomly selected. Data based on 36-question self-completed questionnaire were collected. **Results:** The average age was 52.96 ± 16.4 years old, female (51.3%), got married (88%), have a secondary and high school level in educational stage (45.8 and 34.9%), get health insurance (89.9%), the average length of stay in hospital was 5-10 days (48.3%). The average score of patient satisfaction and nurse communication was 4.33±0.516 and 4.20±0.600, respectively. **Conclusion:** The results show that most patients were high satisfied level with nursing care. **Keywords:** nurse communication. patient satisfaction.

*Bệnh Viện Bạch Mai

**Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Ngọc Hòa

Email: tranxuanhoa0510@gmail.com

Ngày nhận bài: 15.6.2021

Ngày phản biện khoa học: 10.8.2021

Ngày duyệt bài: 17.8.2021

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bệnh viện, bên cạnh bác sĩ thì điều dưỡng viên là người có nhiều thời gian tiếp xúc trực tiếp với bệnh nhân và người nhà người bệnh. Những hoạt động của đội ngũ điều dưỡng viên góp phần không nhỏ trong sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Điều dưỡng hàng ngày phải tiếp xúc và giao tiếp với người bệnh và người nhà người bệnh, điều đó đòi hỏi sự giao tiếp của điều dưỡng phải chuyên nghiệp, tận tâm và chu đáo. Nếu người điều dưỡng giao tiếp tốt với người bệnh, thiết lập được mối quan hệ tin cậy, hợp tác với họ sẽ tạo được một môi trường tâm lý tích cực cho quá trình điều trị. Ngược lại, nếu quá trình giao tiếp của người điều dưỡng với người bệnh không đạt kết quả mong muốn sẽ có những ảnh hưởng tiêu cực đối với quá trình điều trị người bệnh, đồng thời ảnh hưởng đến uy tín của của người thầy thuốc và bệnh viện nói riêng, ngành y tế nói chung. Vì vậy việc nâng cao thái độ giao tiếp của người điều dưỡng với người bệnh trong công tác chăm sóc điều trị bệnh nhân phải luôn được chú trọng, hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Tuy nhiên, công tác điều dưỡng tại các bệnh viện hiện nay còn nhiều bất cập như thiếu về số lượng, yếu về chất lượng, hệ thống đào tạo chưa thống nhất, các kỹ thuật thực hành chăm sóc chưa được chuẩn hóa, kỹ năng giao tiếp xã hội của người điều dưỡng chưa được chú trọng đào tạo và rèn luyện. Những điều bất cập đó đôi khi ảnh hưởng rất lớn tới chất lượng và hiệu quả chăm sóc người bệnh, vì vậy nghiên cứu khảo sát mối liên quan giữa hài lòng người bệnh và giao tiếp của điều dưỡng là thực sự cần thiết.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu theo phương pháp mô tả cắt ngang có phân tích.

2.2. Tiêu chuẩn lựa chọn.

- Từ 18 tuổi trở lên.
- Biết nói, biết đọc, biết viết tiếng Việt
- Là người bệnh đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.3. Cỡ mẫu và chọn mẫu: 238 đối tượng nghiên cứu đã được lựa chọn ngẫu nhiên. Dữ liệu đã được thu thập từ 01/02/2021 đến 31/06/2021

2.4. Công cụ nghiên cứu:

Bộ câu hỏi nghiên cứu gồm 3 phần

Phần 1: Câu hỏi về các thông tin cơ bản.

Phần 2: Bộ câu hỏi sự hài lòng người bệnh về giao tiếp của điều dưỡng.

Phần 3: Bộ câu hỏi sự giao tiếp của điều dưỡng

2.5. Đạo đức nghiên cứu:

- Nghiên cứu được thông qua bởi Hội đồng nghiên cứu khoa học trường.

- Trước khi tiến hành nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu được giải thích rõ về mục đích và nội dung của nghiên cứu trước khi tiến hành phỏng vấn và tiến hành khi có sự chấp nhận, hợp tác tham gia của đối tượng nghiên cứu, ý nghĩa của việc tham gia nghiên cứu.

- Nghiên cứu chỉ thực hiện với người bệnh tự nguyện tham gia, phiếu khảo sát được mã hóa đảm bảo giữ bí mật các thông tin, số liệu được thu thập đầy đủ, chính xác, trung thực, chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học, không phục vụ cho mục đích nào khác.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

3.1 Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Nhóm tuổi: <30	22	9,2
30-39	32	13,5
40-49	40	16,8
>=50	144	60,5
Tuổi trung bình	52,96 ± 16,4	
Giới tính: Nam	116	48,7
Nữ	122	51,3
Tình trạng hôn nhân		
Chưa kết hôn	22	9,5
Đã kết hôn	210	88
Góa/ly hôn/ly thân	6	2,5
Trình độ học vấn		
Cấp 1	20	8,4
Cấp 2	109	45,8
Cấp 3	83	34,9
Đại học/ Cao đẳng	22	9,2
Trên Đại học	4	1,7
BHYT: Không BHYT	24	10,1
BHYT	214	89,9
Ngày nằm viện: < 5 ngày	92	38,7
5- 10 ngày	115	48,3
>10 ngày	31	13
Trung bình số ngày NV	6,24 ± 3,60	

Các đối tượng tham gia nghiên cứu có tuổi trung bình là 52,96 ± 16,4. Đa số người bệnh nội trú có độ tuổi từ 50 trở lên với tỷ lệ (60,5%). Không có sự chênh lệch đáng kể giữa tỷ lệ nam (48,7%) và nữ (51,3%). Đối tượng đã kết hôn chiếm tỷ lệ lớn (88%), Trình độ học vấn trung nhiều ở trình độ cấp 2 và cấp 3 chiếm (45,8) và (34,9%). Số người bệnh điều trị nội trú tại khoa thần kinh đa phần là có thẻ BHYT chiếm 89,9%, thời gian nằm viện từ 5-10 ngày chiếm tỷ lệ nhiều nhất (48,3%).

3.2 Mức độ hài lòng của người bệnh

Các khía cạnh giao tiếp của điều dưỡng	Trung bình	Giải thích điểm
Mức độ hài lòng chung của NB	4,33 ± 0,516	Cao
Biện hộ cho NB	4,34 ± 0,498	Cao
Biểu lộ hành vi khi phản hồi thông tin	4,27 ± 0,465	Cao
Cho NB lời chỉ dẫn rõ ràng	4,29 ± 0,473	Cao
Hỏi các quyết định điều trị	4,36 ± 0,490	Cao
Đề nghị tư vấn khi có nhu cầu	4,39 ± 0,530	Cao
Phát biểu có tính nhất quán các thông tin	4,38 ± 0,511	Cao
Hướng dẫn các hoạt động chăm sóc phòng bệnh	4,38 ± 0,536	Cao
Chuẩn bị NB cho các thủ thuật	4,39 ± 0,506	Cao
Giải thích lựa chọn điều trị	4,29 ± 0,473	Cao
Sử dụng giao tiếp chữa bệnh của điều dưỡng	4,32 ± 0,535	Cao
Duy trì khoảng cách	4,26 ± 0,527	Cao
Thể hiện nét mặt	4,29 ± 0,541	Cao
Sử dụng ánh mắt	4,35 ± 0,536	Cao
Cho phép NB thể hiện điều họ không vừa ý	4,35 ± 0,536	Cao
Thừa nhận các vấn đề NB quan tâm	4,34 ± 0,564	Cao
Sử dụng thời gian cho vấn đề NB quan tâm	4,37 ± 0,508	Cao
Tính giá trị	4,34 ± 0,523	Cao
Hỏi để làm rõ vấn đề	4,32 ± 0,517	Cao
Sử dụng câu hỏi rõ ràng	4,34 ± 0,532	Cao
Hỏi để kiểm tra nhận thức của NB	4,34 ± 0,517	Cao
Cung cấp thông tin phản hồi chi tiết	4,34 ± 0,527	Cao

Nhìn chung người bệnh đều có mức độ hài lòng cao với cả 3 khía cạnh của giao tiếp đó là "Các yếu tố biện hộ" (= 4,34, SD =.50) "việc sử dụng chữa bệnh bằng giao tiếp của điều dưỡng" (= 4,32, SD=.53), và "Các yếu tố giá trị" (=4,34, SD =.52). Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến kết quả trên. Trước hết, có thể thấy điều dưỡng tại

Trung tâm Thần kinh đã thực hiện tốt tất cả các khía cạnh của giao tiếp. Việc truyền tải những thông tin cần thiết một cách hiệu quả khiến những phản hồi từ người bệnh đến giao tiếp của điều dưỡng viên đa phần là tích cực. Hơn nữa, vấn đề văn hóa cũng có thể ảnh hưởng đến điểm hài lòng bởi vì người dân Việt Nam thường rất tôn trọng nghề chăm sóc sức khỏe họ coi nghề này là một nghề cao quý nên sẽ có cách tiếp nhận thông tin bao dung hơn. (theo Ozsoy và cộng sự (2007)[2]

Theo nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ hài lòng chung về giao tiếp của điều dưỡng đạt 4,33 (86,6%) cao hơn so với nghiên cứu của Đinh Ngọc Thành (3,83 tương đương 76,6%) [1] và Nguyễn Đức Thành[3]. Tuy nhiên, con số này thấp hơn so với nghiên cứu của Hà Thị Soạn (90,3%)[4] và Hoàng Đoàn Trang (từ 90,2% - 94,5%)[5] Sự khác biệt này có thể giải thích do bên cạnh những nhân viên y tế có thái độ hòa nhã, hướng dẫn nhiệt tình với người bệnh thì vẫn có những nhân viên biểu lộ thái độ không vui vẻ, sử dụng từ ngữ giao tiếp với người bệnh chưa đúng mực, không hướng dẫn hoặc hướng dẫn không rõ ràng [3].

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tỷ lệ hài lòng về công tác hướng dẫn chăm sóc và phòng bệnh đạt 87,6%. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu Nguyễn Ngọc Phước (90,3%) [6] và Đào Thanh Lam (87,7%) [7]. Trong các khía cạnh đánh giá sự hài lòng của người bệnh thì lĩnh vực hướng dẫn chăm sóc và phòng bệnh của người điều dưỡng rất quan trọng vì hầu hết thời gian tiếp xúc và giao tiếp giữa điều dưỡng và người bệnh là thông qua các hoạt động chăm sóc hàng ngày. Do vậy, thời gian nằm viện dài hay ngắn, thời gian tiếp xúc và giao tiếp của người bệnh và điều dưỡng nhiều hay ít cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc đánh giá sự hài lòng của người bệnh.

Giải thích cho sự khác biệt trong kết quả nghiên cứu của tôi so với kết quả nghiên cứu của một số tác giả kể trên có thể xuất phát từ các đặc điểm của đối tượng nghiên cứu và địa bàn nghiên cứu, bệnh viện trực thuộc tuyến trung ương phần nào đó có thể có phong cách làm việc, ứng xử và giao tiếp chuyên nghiệp hơn so với các bệnh viện trực thuộc các tuyến địa phương. Ngược lại, đôi khi các bệnh viện tuyến trên gặp phải tình trạng quá tải, số lượng người bệnh đến sử dụng dịch vụ quá đông cũng có thể dẫn đến các áp lực trong công việc và ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện ứng xử và giao tiếp.

IV. KẾT LUẬN

Kết quả của nghiên cứu đã cho thấy mức độ hài lòng chung của người bệnh nội trú tại Trung tâm Thần kinh Bệnh Viện Bạch Mai với giao tiếp của điều dưỡng là cao. Sự hài lòng của người bệnh là một tiêu chí có ý nghĩa trong đánh giá chất lượng của chăm sóc điều dưỡng, Để nâng cao sự hài lòng của người bệnh cũng như đảm bảo chất lượng trong chăm sóc điều dưỡng thì các kỹ năng giao tiếp điều dưỡng nên được đào tạo một cách hợp lý.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Thành, Đ.N.**, Mối liên quan giữa giao tiếp của điều dưỡng và sự hài lòng người bệnh của bệnh nhân nội trú tại bệnh viện a thái nguyên Tạp chí khoa học và công nghệ 89(01)/1, 2011.
2. **Ozsoy, S.A., Ozgur G. & Akyol, D.** Patient expectations and Satisfaction with nursing care in Turkey: A Literature review. International. Nursing Review, 24, 2007.
3. **Thành, N.Đ.**, Sự hài lòng của người bệnh nội trú về chất lượng chăm sóc sức khỏe tại các bệnh viện tỉnh Hòa Bình Nghiên cứu đề tài cấp cơ sở Trường Đại học y tế công cộng Hà Nội 2006.
4. **Soạn, H.T.**, Đánh giá sự hài lòng của người bệnh và người nhà người bệnh đối với công tác KCB tại một số bệnh viện tại phủ thọ Kỳ yếu các đề tài nghiên cứu khoa học điều dưỡng . Hội nghị khoa học điều dưỡng lần thứ III, 2007.
5. **Trang, H.Đ.**, "Đánh giá sự hài lòng của người bệnh tại khoa Khám bệnh bệnh viện Bạch Mai. luận văn tốt nghiệp Đại học Thăng Long Hà Nội, 2010.
6. **Phước, N.N.**, Đánh giá sự hài lòng của người bệnh nội trú và người nhà người bệnh về chất lượng dịch vụ y tế tại viện Tim mạch - Bệnh Viện Bạch Mai Hà Nội 2014.
7. **Lam, Đ.T.**, Khảo Sát Sự Hài Lòng của người bệnh về dịch vụ chăm sóc điều dưỡng tại Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương. khóa luận tốt nghiệp cử nhân Y khoa Đại học Y Hà Nội 2016.

THỰC TRẠNG MẮC BỆNH BỤI PHỔI THAN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG ANH, QUẢNG NINH NĂM 2021

Khương Văn Duy¹, Nguyễn Thị Quỳnh¹,
Khương Phương Thủy², Đặng Thị Trang¹, Nguyễn Thanh Thảo¹

VANG DANH COAL JOINT STOCK COMPANY, QUANG NINH IN 2021

Objective: The study aimed to describe the prevalence of coal workers' pneumoconiosis among workers at Vang Danh Coal Joint Stock Company, Quang Ninh in 2021. **Methods:** a cross-sectional study on 1992 workers exposed directly to coal dust at Vang Danh Coal Joint Stock Company, Quang Ninh in 2021. **Results:** The prevalence of coal workers' pneumoconiosis was 15.8%, in which, progressive massive fibrosis was 2.9%, male rate was 16.2%, more than a half (56.6%) of those from 30 to 39 year olds and the work experience from 11 to 15 years was the highest rate. The majority of lesions with small opacity size was p/p (85.1%) and small opacities density in category 1 (60.6%). **Conclusion:** Most workers did not suffer from coal workers' pneumoconiosis, most of them were mild.

Keywords: prevalence, coal workers' pneumoconiosis, Vang Danh Coal Joint Stock Company

TÓM TẮT

Mục tiêu: xác định tỷ lệ hiện mắc bệnh bụi than của người lao động tại Công ty cổ phần than Vàng Danh, Quảng Ninh năm 2021. **Phương pháp nghiên cứu:** nghiên cứu cắt ngang trên 1992 người lao động tiếp xúc trực tiếp với bụi than tại Công ty cổ phần than Vàng Danh, Quảng Ninh năm 2021. **Kết quả:** tỷ lệ mắc bệnh bụi than chiếm 15,8%, trong đó thể biến chứng là 2,9%. Tỷ lệ mắc bệnh bụi phổi than ở nam giới là 16,2%, hơn một nửa (56,6%) người mắc bệnh ở nhóm tuổi 30-39, nhóm tuổi nghề có tỷ lệ mắc bệnh cao nhất là 11-15 năm. Đa số đám mờ nhỏ có kích thước p/p (85,1%) và mật độ tổn thương ở nhóm 1 (60,6%). **Kết luận:** phần lớn đối tượng nghiên cứu không mắc bệnh bụi phổi than. Trong nhóm mắc bệnh bụi phổi than hầu hết là thể đơn thuần.

Từ khóa: thực trạng mắc bệnh, bệnh bụi phổi than, Công ty cổ phần than Vàng Danh

SUMMARY

THE PREVALENCE OF OF COAL WORKERS' PNEUMOCONIOSIS AMONG WORKERS AT

¹Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, trường Đại học Y Hà Nội

²Trường đại học RMIT, Australia

Chịu trách nhiệm chính: Khương Văn Duy

Email: nguyenthiquynhmu@gmail.com

Ngày nhận bài: 24.6.2021

Ngày phản biện khoa học: 17.8.2021

Ngày duyệt bài: 25.8.2021

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngành khai thác than đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân ở Việt Nam và tạo công ăn việc làm cho nhiều người lao động. Tuy nhiên khai thác than là ngành lao động nặng nhọc luôn chứa đựng các yếu tố nguy hiểm và độc hại cho người lao động như trơn trượt, sập hầm lò và nguy cơ mắc bệnh bụi phổi than. Bệnh bụi phổi than là một bệnh nghề nghiệp xuất hiện ở những người lao động tiếp xúc với bụi than,